

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28 - 9 - 2020
V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PT- THÀNH PHỐ HÀ NỘI
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đặng Thị Bích Loan**
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Nguyễn Thị Chiêu**
Bà **Khuất Thị Luyến**
- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Ngô Thị Mơ**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:* Bà **Khuất Thu Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2020/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2020/QĐST- HNGĐ ngày 11/9/2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1991; có mặt.

Địa chỉ: Thôn Đồng Đại 3, xã Đồng Thanh, huyện VT, tỉnh TB.

- *Bị đơn:* Chị **Hà Thị Như Q**, sinh năm 1992; vắng mặt.

Địa chỉ: Cụm 12 (Nay là thôn 3), xã TG, huyện PT, Thành phố Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn và các bản tự khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày: Anh và chị Hà Thị Như Q có thời gian tìm hiểu và quyết định tiến tới hôn nhân cùng nhau. Anh chị đăng ký kết hôn vào ngày 23/3/2018 tại UBND xã TG, huyện PT, Thành phố Hà Nội. Sau khi tổ chức cưới, anh và chị Q thuê nhà làm ăn sinh sống ở dưới nội thành Hà Nội.

Ngay từ những ngày đầu tình cảm vợ chồng bình thường, đến khoảng cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung về vấn đề kinh tế, xuất phát từ việc chị Q muốn mua nhà nên bảo anh vay mượn tiền của bố mẹ anh nhưng anh không đồng ý nên chị Q tỏ thái độ với anh, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nói nhau và thi thoảng xảy ra xô xát. Từ tháng 06 năm 2019 đến nay, anh và chị Q sống ly thân nhau không ai quan tâm đến ai nữa.

Ngày 19/5/2020, anh đến nơi ở của chị Q để thăm gặp con thì chị Q chụp ảnh sau đó đăng lên mạng xã hội facebook và viết những lời sỉ nhục anh. Thời gian sau, anh có đón con về nhà bố mẹ để chơi tại tỉnh TB thì ngày 22/8/2020 chị Q đến đón con nhưng không vào nhà đón mà gây sự với gia đình anh, cho rằng bố anh bắt cóc cháu T là con của anh và chị Q. Từ những hành động vô văn hóa của chị Q, anh thấy không thể chấp nhận được và xác định không thể đoàn tụ để sống chung cùng nhau được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Q

Về con chung: Anh và chị Q có 01 con chung là Nguyễn Mộc T, sinh ngày 18/4/2018. Hiện nay cháu đang sống chung cùng chị Q Sau khi ly hôn, anh đồng ý giao con cho chị Q trực tiếp nuôi, anh sẽ có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc và cấp dưỡng cho cháu tùy thuộc vào điều kiện thu nhập của anh.

Về tài sản chung, công sức và nợ: Không có.

Do chị Hà Thị Như Q không đến Tòa án, nên Tòa án không lấy được lời khai và không tiến hành hoà giải được.

Tại Biên bản ghi lời khai của ông Hà Đăng L (bố đẻ chị Q) cho biết như sau: Tháng 03 năm 2018, gia đình ông tổ chức lễ cưới cho chị Q kết hôn cùng anh Nguyễn Văn Đ. Sau khi cưới, anh Đ và chị Q thuê nhà và chung sống với nhau dưới nội thành Hà Nội, nhưng chị Q vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại gia đình ông ở Cụm 12 (nay là thôn 3) xã TG, huyện PT. Quá trình chung sống anh Đ và chị Q xảy ra mâu thuẫn như thế nào ông không biết. Vợ chồng chị Q có với nhau 01 con chung là cháu Nguyễn Mộc T, sinh ngày 18/4/2018, khi cháu T được khoảng một tuổi thì chị Q đưa cháu T về gia đình và bảo do mâu thuẫn vợ chồng nên không thể sống cùng anh Đ được. Từ đó, anh Đ cũng không qua lại gia đình ông nữa. Hiện nay, chị Q và cháu T đang thuê nhà dưới nội thành Hà Nội, thì thoảng mới về nhà ông. Ông cũng không biết địa chỉ hiện nay của chị Q là ở đâu nhưng chị Q vẫn chưa làm thủ tục chuyển hộ khẩu thường trú mà vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú cùng với gia đình ông tại xã TG. Do anh Đ và chị Q có thời gian mâu thuẫn dài, không thể hàn gắn được với nhau. Nay anh Đ xin ly hôn chị Q, gia đình ông hoàn toàn nhất trí. Những văn bản tố tụng mà Tòa án giao cho gia đình nhận thay chị Q thì ông đã thông báo lại cho chị Q được biết. Tuy nhiên, chị Q bảo là bận công việc nên không về Tòa án để giải quyết việc ly hôn.

Xác minh tại Công an xã TG, huyện PT, Thành phố Hà Nội, được biết: Chị Hà Thị Như Q là con của ông Hà Đăng L và bà Hà Thị T là người dân sống tại xã TG, huyện PT. Chị Q đăng ký hộ khẩu thường trú tại Cụm 12 (Nay là Thôn 3), xã TG, huyện PT. Do chị Q không thuộc đối tượng cấm đi khỏi nơi cư trú nên hiện nay chị Q đi đâu, làm gì thì Công an xã TG không nắm được do chị Q không khai báo gì với Công an xã. Tại các sổ sách quản lý thông tin dân cư do Công an xã đang lưu giữ thì không có thông tin về nơi tạm trú mới của chị Hà Thị Như Q.

Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn Đ kiên quyết xin được ly hôn chị Q vì xác định tình cảm vợ chồng không còn. Về con chung: Anh đồng ý giao con cho chị Q nuôi, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Q mỗi tháng 2.000.000đ. Về tài sản chung và nợ không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, Thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn là đúng pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Việc xác định quan hệ pháp luật và tư cách người

tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho anh Nguyễn Văn Đ ly hôn chị Hà Thị Như Q.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Mộc T cho chị Q chăm sóc. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Q mỗi tháng 2.000.000đ. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Về án phí: Anh Đ phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được kiểm tra công khai tại phiên tòa; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PT, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện PT thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn Đ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện đầy đủ trình tự tố tụng và đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Hà Thị Như Q, nhưng tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chị Q đều vắng mặt nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai và không hoà giải được. Vì vậy, căn cứ Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện PT ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa, chị Q vắng mặt lần thứ hai không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Hà Thị Như Q.

[2] Về nội dung: Anh Nguyễn Văn Đ và chị Hà Thị Như Q kết hôn hợp pháp, anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TG, huyện PT vào ngày 23/3/2018. Quá trình sống chung, anh Đ và chị Q đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân theo anh Đ là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung về vấn đề kinh tế, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nói nhau. Mâu thuẫn trầm trọng xảy ra từ tháng 6 năm 2019 nên vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay không ai quan tâm đến ai nữa.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, anh Đ kiên quyết xin ly hôn chị Q vì xác định tình cảm vợ chồng không còn. Phía chị Q vắng mặt nhưng theo lời khai ông Hà Đăng L là bố đẻ chị Q cũng xác nhận vợ chồng anh Đ, chị Q chung sống đã xảy ra mâu thuẫn nên chị Q đã đưa con về nhà ông ở, còn anh Đ từ đó cũng chấm dứt không qua lại gia đình ông nữa. Vì vậy, việc anh Đ xin ly hôn chị Q, ông hoàn toàn nhất trí. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa anh Đ và chị Q đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Đ đối với chị Q

- Về con chung: anh Đ và chị Q có một con chung là Nguyễn Mộc T, sinh ngày 18/4/2016, hiện nay cháu T đang sống chung cùng chị Q. Xét thấy cháu T còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi nên cần được sự quan tâm chăm sóc của người mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của anh Đ giao con cho chị Q nuôi, anh Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng.

- Về tài sản chung và nợ: Anh Đ xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét

Trường hợp nếu chị Q có yêu cầu giải quyết về tài sản và nợ thì được giải quyết bằng một vụ án khác.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

Xử:

+ Anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn chị Hà Thị Như Q.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Mộc T, sinh ngày 18/4/2018 cho chị Q nuôi đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Q mỗi tháng 2.000.000đ kể từ tháng 10 năm 2020 đến khi cháu T đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Anh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung và nợ: Không có.

- Về án phí: Anh Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003163 ngày 16/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện PT, Thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Anh Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Chị Hà Thị Như Q có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện PT;
- THADS huyện PT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Bích Loan

Nơi nhận

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện PT;
- THADS huyện PT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đặng Thị Bích Loan

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

